

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

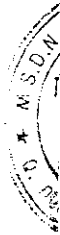
**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

10011
CÔNG
CH NHIE
DELO
VIET I
DA.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 07/01/2011)
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 08/01/2011)
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

Ban Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc
Ông Vương Minh Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 07/3/2011)
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 04/7/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

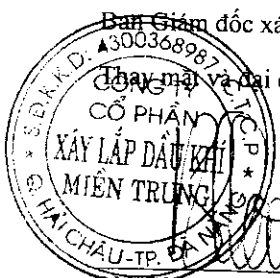
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Công Toanh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Số: 1153/Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 25. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Công ty gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm 2011. Việc tiếp tục hoạt động trong tương lai phụ thuộc vào khả năng thành công của việc quản lý và đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh trong năm 2012.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		531.869.599.242	314.323.340.003
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.712.289.087	29.502.757.550
1. Tiền	111		9.712.289.087	3.502.757.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	26.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		349.500.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		349.500.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		336.286.676.581	161.117.314.648
1. Phải thu khách hàng	131		140.180.231.792	62.552.398.062
2. Trả trước cho người bán	132		31.945.201.497	19.314.890.899
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		158.058.117.845	72.941.167.770
4. Các khoản phải thu khác	135		7.272.314.047	6.777.846.900
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.169.188.600)	(468.988.983)
IV- Hàng tồn kho	140	6	149.122.611.200	103.932.684.480
1. Hàng tồn kho	141		149.122.611.200	103.932.684.480
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		36.398.522.374	19.770.583.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.424.280.699	4.347.811.855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.943.345.248	4.293.889.785
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.746.260.492	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.284.635.935	11.128.881.685
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		234.603.934.121	313.771.670.178
I- Tài sản cố định	220		178.769.183.764	83.201.224.966
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	175.887.637.616	61.323.559.924
- Nguyên giá	222		214.197.532.915	89.420.845.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.309.895.299)	(28.097.285.283)
2. Tài sản cố định vô hình	227		81.257.344	21.936.667
- Nguyên giá	228		107.013.021	38.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.755.677)	(16.063.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	2.800.288.804	21.855.728.375
II- Bất động sản đầu tư	240	9	-	180.605.388.750
- Nguyên giá	241		-	181.013.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(407.611.250)
III- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.723.160.337	34.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	24.423.160.337	22.800.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	11.300.000.000	11.300.000.000
IV- Tài sản dài hạn khác	260		20.111.590.020	15.865.056.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20.111.590.020	15.865.056.462
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		766.473.533.363	628.095.010.181

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		610.413.442.541	464.411.350.372
I- Nợ ngắn hạn	310		537.214.868.469	355.329.560.973
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	141.957.506.809	132.691.910.740
2. Phải trả người bán	312		192.361.461.148	107.636.749.041
3. Người mua trả tiền trước	313		154.805.935.124	80.093.198.841
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	573.625.130	7.000.458.865
5. Phải trả người lao động	315		6.376.717.039	15.641.570.899
6. Chi phí phải trả	316		30.588.733.451	11.430.614.101
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		11.394.249.399	1.381.755.926
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(843.359.631)	(546.697.440)
II- Nợ dài hạn	330		73.198.574.072	109.081.789.399
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	73.238.537.431	109.107.336.841
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(39.963.359)	(25.547.442)
B- NGUỒN VỐN	400		156.060.090.822	163.683.659.809
(400 = 410)				
I- Vốn cổ phần	410	15	156.060.090.822	163.683.659.809
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		430.000.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.100.000.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.530.090.822	13.683.659.809
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		766.473.533.363	628.095.010.181

Bùi Công Toanh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Lê Trí Tài
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	926.222.930.479	470.969.715.735
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		926.222.930.479	470.969.715.735
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	825.270.652.274	405.599.483.582
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		100.952.278.205	65.370.232.153
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.124.311.752	2.929.249.255
6. Chi phí tài chính	22		43.532.549.919	19.793.985.642
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.341.084.919	19.591.408.404
7. Chi phí bán hàng	24		793.764.336	794.648.817
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.413.547.282	18.885.444.611
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24-25)	30		21.336.728.420	28.825.402.338
10. Thu nhập khác	31		5.371.747.077	1.255.107.660
11. Chi phí khác	32		3.141.212.822	564.545.628
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.230.534.255	690.562.032
13. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		5.035.660.337	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		28.602.923.012	29.515.964.370
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	6.072.832.190	7.378.991.093
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		22.530.090.822	22.136.973.277
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.502	1.586



Bùi Công Toanh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Lê Trí Tài
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.602.923.012	29.515.964.370
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.711.828.916	9.426.816.696
- Các khoản dự phòng	03	700.199.617	468.988.983
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.961.069.980)	(2.929.252.783)
- Chi phí lãi vay	06	43.341.084.919	19.591.408.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	81.394.966.484	56.073.925.670
- Biến động các khoản phải thu	09	(216.620.220.379)	(93.573.912.349)
- Biến động hàng tồn kho	10	(40.254.701.322)	(53.403.693.897)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	165.319.272.167	74.335.504.844
- Biến động chi phí trả trước	12	(1.161.406.884)	(19.030.757.018)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(46.808.742.980)	(14.935.969.478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.107.411.638)	(2.551.237.916)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.214.737.917)	(147.491.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(77.452.982.469)	(53.233.631.377)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(104.943.563.899)	(217.458.068.110)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	199.754.738.328	49.038.060
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(349.500.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.928.757.023	2.929.252.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	96.390.431.452	(214.479.777.267)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	82.960.985.444
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	418.541.552.003	296.692.623.819
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(437.199.469.449)	(81.863.785.708)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(20.070.000.000)	(11.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.727.917.446)	286.539.823.555
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(19.790.468.463)	18.826.414.911
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.502.757.550	10.676.342.639
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	9.712.289.087	29.502.757.550

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

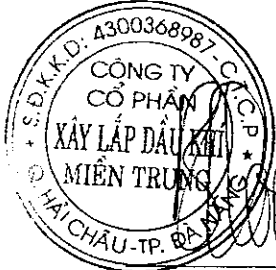
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

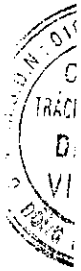
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 12.647.572.218 đồng (năm 2010: 4.914.812.118 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Bùi Công Toanh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Lê Tri Tài
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4300368987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, sửa đổi lần 5 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 03 tháng 6 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 549 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 470 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu bia, karaoke, massage và các dịch vụ liên quan đến khách sạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập dựa trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Trong năm 2011 Công ty gặp khó khăn về quản lý dòng tiền, cụ thể lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 77.452.982.469 VND. Ban Giám đốc Công ty đã có những kế hoạch để tăng cường việc quản lý dòng tiền trong năm 2012 và tin tưởng rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ được đảm bảo.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 21.

1123
NG
HIỆM
DIT
T NA
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

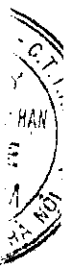
Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

100
 CÔNG
 CH MI
 DEL
 TIẾT
 01

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

1500
G TY
H HUU
ITTE
NAM
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm 2011 không có khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	381.824.057	1.567.360.167
Tiền gửi ngân hàng	9.330.465.030	1.935.397.383
Các khoản tương đương tiền	-	26.000.000.000
	9.712.289.087	29.502.757.550

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.659.925.248	12.309.140.687
Công cụ, dụng cụ	837.224.733	269.380.104
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	125.671.723.335	90.701.774.996
Thành phẩm	4.766.073.093	652.388.693
Hàng hóa	8.187.664.791	-
	149.122.611.200	103.932.684.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	149.122.611.200	103.932.684.480

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

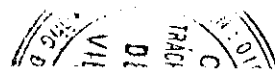
MẪU SỐ B 09-DN/HN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2011	19.257.925.052	45.725.658.790	20.371.886.334	967.294.122	3.098.080.909	89.420.845.207
Tăng do sáp nhập (i)	-	1.724.723.649	371.259.758	-	188.394.953	2.284.378.360
Mua sắm mới	-	493.231.815	-	516.385.440	178.727.273	1.188.344.528
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	121.512.596.137	-	-	-	-	121.512.596.137
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(10.984.849)	-	(10.984.849)
Giảm khác	-	(187.562.226)	-	(10.084.242)	-	(197.646.468)
Tại ngày 31/12/2011	140.770.521.189	47.756.052.028	20.743.146.092	1.462.610.471	3.465.203.135	214.197.532.915
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2011	3.706.947.208	14.359.636.403	7.335.602.934	599.855.719	2.095.243.019	28.097.285.283
Khấu hao trong năm	978.890.366	5.635.273.289	2.977.209.135	237.601.090	405.837.692	10.234.811.572
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.651.515)	-	(2.651.515)
Giảm khác	-	(19.550.041)	-	-	-	(19.550.041)
Tại ngày 31/12/2011	4.685.837.574	19.975.359.651	10.312.812.069	834.805.294	2.501.080.711	38.309.895.299
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2011	136.084.683.615	27.780.692.377	10.430.334.023	627.805.177	964.122.424	175.887.637.616
Tại ngày 31/12/2010	15.550.977.844	31.366.022.387	13.036.283.400	367.438.403	1.002.837.890	61.323.559.924

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.738.943.994 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.701.869.021 VND).

(i) Ngày 04 tháng 4 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng số 65/2011/DQS-PVCMT với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS) về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của DQS tại Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Dung Quất cho Công ty. Theo đó, tăng do sáp nhập phản ánh giá trị TSCĐHH chuyển về từ việc sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Dung Quất.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trạm trộn	229.949.191	229.949.191
Nhà máy sản xuất bao bì	2.570.339.613	21.625.779.184
	2.800.288.804	21.855.728.375

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	18.693.000.000	162.320.000.000	181.013.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	18.693.000.000	162.320.000.000	181.013.000.000
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	407.611.250	-	407.611.250
Khấu hao trong năm	467.325.000	-	467.325.000
Thanh lý, nhượng bán	874.936.250	-	874.936.250
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	18.285.388.750	162.320.000.000	180.605.388.750

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ đồng. Thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2011
	VND
Tổng tài sản	162.776.494.061
Tổng công nợ	(109.099.218.594)
Tài sản thuần	53.677.275.467
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	24.423.160.337

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ đồng từ ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	130.236.468.277	119.970.872.209
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>70.073.588.447</i>	<i>68.124.756.704</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>28.003.438.398</i>	<i>32.633.889.195</i>
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>30.830.634.645</i>	<i>19.212.226.310</i>
<i>Vay ngắn hạn khác</i>	<i>1.328.806.787</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.721.038.532	12.721.038.531
	141.957.506.809	132.691.910.740

Khoản vay 1: Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐTD/PVFCĐN - PVCMT ngày 13 tháng 4 năm 2011, Hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 9 tháng 4 năm 2011 và phụ lục Hợp đồng bảo lãnh số 02. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp giao dịch, rút vốn, sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng và với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ đồng. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng kế ước. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

Khoản vay 2: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng số 603 ngày 28 tháng 6 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010 và 2011. Thời hạn cho vay tối đa là 9 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành và một số nguồn thu hợp pháp khác.

Khoản vay 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1009DN163. Theo đó, hạn mức vay là 50 tỷ đồng, khoản vay được thế chấp bằng tài sản bảo đảm là giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội tài trợ vốn được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009 và từ các nguồn thu hợp pháp khác. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội tài trợ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	125.009.169	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.818.379.481
Thuế thu nhập cá nhân	393.505.961	144.112.884
Thuế tài nguyên	45.090.000	31.063.500
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	10.020.000	6.903.000
	573.625.130	7.000.458.865

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	81.716.096.188	117.401.767.198
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>414.248.163</i>	<i>745.646.695</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>4.516.280.917</i>	<i>5.905.920.917</i>
<i>Khoản vay số 3</i>	-	<i>109.178.016.636</i>
<i>Khoản vay số 4</i>	<i>76.785.567.108</i>	<i>1.572.182.950</i>
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	4.426.608.174
	84.959.575.963	121.828.375.372

Khoản vay số 1: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản mà Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung ký hợp đồng tín dụng trung và dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (hợp đồng số 5) với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng ngày 23 tháng 12 năm 2008. Sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 tới tháng 01 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng VND của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (loại trả lãi cuối kỳ) cộng 6%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay dài hạn này nhằm mục đích đầu tư vào "Dự án Xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng Dung Quất - Quảng Ngãi".

Khoản vay số 2: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 12/TDH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ đồng, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn.

Khoản vay số 4: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.721.038.532	12.721.038.531
Trong năm thứ hai	12.552.765.067	16.015.824.229
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	46.737.000.915	38.913.495.975
Sau năm năm	13.948.771.449	54.178.016.637
	84.959.575.963	121.828.375.372
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	11.721.038.532	12.721.038.531
Số phải trả sau 12 tháng	73.238.537.431	109.107.336.841

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CỔ PHẦN

Thay đổi trong vốn cổ phần

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	-	-	2.920.635.343	52.920.635.343
Tăng trong năm	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.136.973.277	22.136.973.277
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(123.948.811)	(123.948.811)
Tại ngày 31/12/2010	150.000.000.000	-	-	13.683.659.809	163.683.659.809
Tăng trong năm (ii)	-	430.000.000	1.100.000.000	-	1.530.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.530.090.822	22.530.090.822
Công bố chia cổ tức (i)	-	-	-	(29.250.000.000)	(29.250.000.000)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	(2.433.659.809)	(2.433.659.809)
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	4.530.090.822	156.060.090.822

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 27 tháng 4 năm 2011, tỷ lệ chia cổ tức đối với lợi nhuận năm 2010 là 15% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức lần 1 cho các cổ đông trong năm 2010. Số cổ tức còn lại 11.250.000.000 đồng tương ứng 7,5% (750 đồng/1 cổ phiếu) đã được trả trong năm 2011.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 137/NQ-XLDKMT-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2011 và Thông báo số 138/TB-XLDKMT-TCKT ngày 18 tháng 11 năm 2011 gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 đợt 1 cho các cổ đông là 18.000.000.000 tương ứng 12% vốn điều lệ (1.200 đồng/1 cổ phiếu).

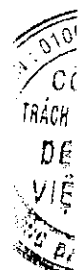
(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 27 tháng 4 năm 2011, Công ty đã sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 430.000.000 đồng, 1.100.000.000 đồng, 853.659.809 đồng và 50.000.000 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư FPT	750	5,00%	7.500.000.000
3	Các cổ đông khác	6.600	44,00%	66.000.000.000
Cộng		15.000	100%	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	620.833.735.772	460.389.862.487
Doanh thu hoạt động đầu tư bất động sản	199.754.738.328	-
Doanh thu hoạt động khác	105.634.456.379	10.579.853.248
	926.222.930.479	470.969.715.735

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	542.094.416.534	397.254.332.783
Giá vốn hoạt động đầu tư bất động sản	186.394.593.148	-
Giá vốn hoạt động khác	96.781.642.592	8.345.150.799
	825.270.652.274	405.599.483.582

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	28.602.923.012	29.515.964.370
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.035.660.337)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	724.066.087	-
Thu nhập chịu thuế	24.291.328.762	29.515.964.370
Thuế suất	25%	25%
Thuê thu nhập doanh nghiệp	6.072.832.190	7.378.991.093

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

Lợi nhuận:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.530.090.822	22.136.973.277
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.530.090.822	22.136.973.277

Số cổ phiếu:

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	13.958.904

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.502	1.586

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.421.039.572	199.032.394.415
Chi phí nhân công	38.334.987.878	38.660.917.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.711.828.916	9.296.407.647
Chi phí sản xuất chung	45.404.171.981	59.443.220.036
Chi phí trả trước dài hạn	6.834.097.461	11.805.877.426
Chi phí thầu phụ	233.343.210.001	149.814.149.207
	526.049.335.809	468.052.966.422

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	9.712.289.087	29.502.757.550
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.283.357.239	68.861.255.979
Đầu tư ngắn hạn	349.500.000	-
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	167.645.146.326	109.664.013.529
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	215.196.044.240	241.799.247.581
Phải trả người bán và phải trả khác	203.755.710.547	109.018.504.967
Chi phí phải trả	30.588.733.451	11.430.614.101
Tổng cộng	449.540.488.238	362.248.366.649

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	279.731.936	5.631.134

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	141.957.506.809	73.238.537.431	215.196.044.240
Phải trả người bán và phải trả khác	203.755.710.547	-	203.755.710.547
Chi phí phải trả	30.588.733.451	-	30.588.733.451
31/12/2010			
Các khoản vay	132.691.910.740	109.107.336.841	241.799.247.581
Phải trả người bán và phải trả khác	109.018.504.967	-	109.018.504.967
Chi phí phải trả	11.430.614.101	-	11.430.614.101

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

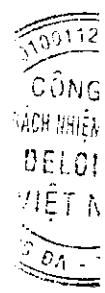
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và tương đương tiền	9.712.289.087	-	9.712.289.087
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.283.357.239	-	146.283.357.239
Đầu tư ngắn hạn	349.500.000	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
31/12/2010			
Tiền và tương đương tiền	29.502.757.550	-	29.502.757.550
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.861.255.979	-	68.861.255.979
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

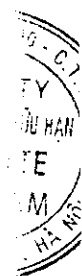
	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	13.983.432.284	106.041.335.064
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	23.011.389.901	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	40.247.947.565	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	18.014.601.677	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam -CN Đà Nẵng	158.721.820	-
Ban điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng -	135.404.868.292	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	36.738.002.812	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	389.454.545	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	156.090.910	-
Ban điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	5.942.352.380
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	45.574.978.100	26.103.582.178
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	36.471.545.454	10.957.193.063
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	143.367.189.869	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	212.724.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	VND	VND
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.025.001.513	7.381.238.860
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	1.767.581.830	10.372.669.400
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Đà Nẵng	262.825.600	266.446.300
Lãi vay		
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - CN Đà Nẵng	14.829.381.816	7.586.507.478
Trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	14.917.500.000	5.737.500.000
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	3.412.500.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm		
Lương	1.507.984.459	967.106.592
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.952.982.469	27.756.954.982
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí		4.849.005.900
Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	121.699.480	218.028.048
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	2.954.900.640	-
Phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.090.555.913	3.456.324.227
CN Thi công cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.953.347.000	6.123.347.000
Các khoản nhận ứng trước		
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	4.400.350.959	18.935.812.824
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.243.479.775	4.426.608.174
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	70.073.588.447	69.734.068.872
- Vay trung hạn:	4.930.529.080	6.651.567.612



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

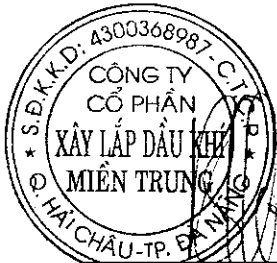
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất do đây là năm đầu tiên Công ty có công ty con.



Bùi Công Toánh
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2012

Lê Trí Tài
Kế toán trưởng

